

nước Việt Nam chỉ đạo các ngân hàng thương mại bảo đảm đáp ứng đủ, kịp thời nhu cầu ngoại tệ cho thanh toán nhập khẩu xăng dầu của các doanh nghiệp.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 12 tháng 7 năm 2000. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

NGUYỄN TẤN DŨNG

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 82/2000/QĐ-TTg ngày 11/7/2000 về việc chuyển Công ty Thực phẩm Thiên Hương thuộc Bộ Công nghiệp thành công ty cổ phần.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Nghị định số 44/1998/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 1998 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước Công ty Thực phẩm Thiên Hương theo đề nghị tại Công văn số 2461/CV-TCKT ngày 27 tháng 6 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp:

1. Vốn điều lệ của Công ty cổ phần: 20.000.000.000 đồng.

Trong đó:

- Tỷ lệ cổ phần bán cho người lao động trong doanh nghiệp: 70% vốn điều lệ.

- Tỷ lệ cổ phần bán cho các đối tượng ngoài doanh nghiệp: 30% vốn điều lệ.

2. Giá trị thực tế của Công ty Thực phẩm Thiên Hương tại thời điểm ngày 01 tháng 10 năm 1999 để cổ phần hóa là 106.993.521.675 đồng; trong đó giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp 19.972.943.395 đồng.

3. Ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp:

- Tổng số cổ phần bán theo giá ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp là 115.940 cổ phần; phần giá trị ưu đãi là 3.478.200.000 đồng.

Trong đó số cổ phần bán ưu đãi cho người lao động nghèo trong doanh nghiệp trả dần là 8.700 cổ phần, tương ứng là 609.000.000 đồng.

4. Việc sử dụng tiền bán cổ phần và ưu đãi về thuế thực hiện theo chế độ hiện hành.

Điều 2. Chuyển doanh nghiệp nhà nước Công ty Thực phẩm Thiên Hương thuộc Bộ Công nghiệp thành công ty cổ phần:

- Tên gọi đầy đủ bằng tiếng Việt Nam: Công ty cổ phần Thực phẩm Thiên Hương.

- Tên giao dịch quốc tế: THIEN HUONG FOOD JOINT STOCK COMPANY.

- Tên viết tắt: TFC.

- Trụ sở chính: xã Tân Thới Hiệp, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Công ty cổ phần Thực phẩm Thiên Hương sản xuất, kinh doanh các ngành nghề:

- Sản xuất và kinh doanh các mặt hàng thực phẩm chế biến.

- Xuất nhập khẩu trực tiếp nguyên vật liệu sản xuất, thành phẩm.

- Kinh doanh ủy thác xuất nhập khẩu.

Điều 4. Công ty cổ phần Thực phẩm Thiên Hương:

- Là pháp nhân theo pháp luật Việt Nam kể từ ngày được cấp đăng ký kinh doanh, kinh doanh theo giấy phép đăng ký, thực hiện chế độ hạch toán kinh tế độc lập, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật. Hoạt động theo Điều lệ của công ty cổ phần, Luật Doanh nghiệp;

- Giám đốc và kế toán trưởng Công ty Thực phẩm Thiên Hương có trách nhiệm điều hành, quản lý doanh nghiệp đến khi bàn giao toàn bộ doanh nghiệp cho Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty cổ phần Thực phẩm Thiên Hương.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký. Bãi bỏ các Quyết định trước đây trái với Quyết định này. Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, Giám đốc Công ty Thực phẩm Thiên Hương, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thực phẩm Thiên Hương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

NGUYỄN TẤN DŨNG

CÁC BỘ

LIÊN BỘ

TÀI CHÍNH - GIAO THÔNG VẬN TẢI

THÔNG TƯ liên tịch số **56/2000/TTLT-BTC-BGTVT** ngày **14/6/2000** hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích trong ngành **ĐĂNG KIỂM**.

Căn cứ Nghị định số 56/CP ngày 02/10/1996 của Chính phủ về doanh nghiệp nhà nước hoạt

động công ích; Thông tư số 06/TC-TCĐN ngày 24/2/1997 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích;

Căn cứ Nghị định số 27/1999/NĐ-CP ngày 20/4/1999 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quy chế Quản lý tài chính và hạch toán kinh doanh đối với doanh nghiệp nhà nước ban hành kèm theo Nghị định số 59/CP ngày 03/10/1996 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 04/1999/NĐ-CP ngày 30/1/1999 của Chính phủ về phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước; Thông tư số 54/1999/TT-BTC ngày 10/5/1999 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 04/1999/NĐ-CP ngày 30/1/1999 của Chính phủ về phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 27/2000/QĐ-BTC ngày 24/2/2000 của Bộ Tài chính về việc ban hành mức thu lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm định kỹ thuật và chất lượng thiết bị, phương tiện giao thông vận tải;

Căn cứ đặc điểm hoạt động của ngành **ĐĂNG KIỂM** Việt Nam, Bộ Tài chính - Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với các doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích trong ngành **ĐĂNG KIỂM** Việt Nam như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Đối tượng áp dụng Thông tư này là: Cục Đăng kiểm Việt Nam và các đơn vị đăng kiểm trực thuộc Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính địa phương được cơ quan có thẩm quyền quyết định là doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích (gọi chung là doanh nghiệp công ích đăng kiểm).

2. Doanh nghiệp công ích đăng kiểm có trách nhiệm sử dụng vốn và các nguồn lực do Nhà nước giao để thực hiện công tác đăng kiểm theo các biểu giá, lệ phí hiện hành do Nhà nước quy định.